

Tôn vinh Thiên Chúa Ba Ngôi

DEO GRATIAS
trần kính lữ

♩ = 80 **6**

Soprano
Tôn vinh Thiên Chúa Ba Ngôi: Ngôi Cha Ngôi Con và Ngôi

Alto
Tôn vinh Thiên Chúa Ba Ngôi. Ngôi Cha, Ngôi Con và Ngôi

Tenor
Tôn vinh Thiên Chúa Ba Ngôi. Ngôi Cha, Ngôi Con và Ngôi

Bass
Tôn vinh Thiên Chúa Ba Ngôi. Ngôi Cha, Ngôi Con và Ngôi

13

S.
Ba. Tôn vinh Thiên Chúa Ba Ngôi: Chúc tụng và tôn vinh từ bây giờ, cho

A.
Ba. Tôn vinh Thiên Chúa Ba Ngôi. Chúc tụng và tôn vinh từ bây giờ, cho

T.
Ba. Tôn vinh Thiên Chúa Ba Ngôi. Chúc tụng và tôn vinh, tôn vinh,

B.
Ba. Tôn vinh Thiên Chúa Ba Ngôi. Chúc tụng và tôn vinh tôn vinh, tới

20

S.
tới muôn muôn đời. muôn đời. **3**

A.
tới muônmuôn đời, muônmuôn đời. muôn đời **3**

T.
cho tớimuônmuôn đời, tớimuôn đời. muôn đời **3**

B.
muôn muôn đời. > muôn đời **3** Tôn vinh Thiên Chúa Ba

41

S. Chúa làChúa vinh quang,hiểntrị,hiệpnhất yêuthươngcho tới muônđời. Chúc tụng Danh

A. Chúa vinhquang,hiểntrị,hiệpnhất, yêuthươngcho tới muônđời. Tônvinh Danh

T. Tôn vinh Danh Chúa BaNgôi. Là

B. Tônvinh Danh Ngườicaosang vinhquang hiển trịngàn ngàn đời. Chúc chúč tụng

45

S. Người cao sang. Tôn vinh Thiên Chúa Ba Ngôi.

A. Người cao sang, vinhquang hiển trịngàn ngàn đời. Chúč tụng và

T. Chúa vinhquang,hiểntrị, hiệpnhất, yêuthươngcho tới muôn đời. Chúč tụng và

B. Vinh vinh danh. Tôn vinhThiên Chúa Ba Ngôi.Tôn

48

S. Chúa làChúa vinhquang,hiểntrị,hiệpnhất yêuthươngcho tới muônđời. Chúč tụng! Tônvinh! Đáng

A. tônvinh, LàChúavinh quang,hiểntrị,hiệpnhất, yêuthươngcho tới muônđời. Chúč tụng! Tônvinh! Đáng

T. tônvinh. LàChúavinh quang. Vinhquang hiển trịmuôn muônđời. Ngọikhen! Tônvinh! Đáng

B. vinh Danh Ngườicaosang vinhquang hiển trịngàn ngàn đời. Ngọikhen! Tônvinh! Đáng

52

S. 

ChíThánh, chínhtrựcvà côngminh. Đấngquyềnnăng dũng lựcvà uylinh.

A. 

ChíThánh, chínhtrựcvà côngminh. Đấngquyềnnăng dũng lựcvà uylinh.

T. 

ChíThánh, chínhtrựcvà côngminh. Đấngquyềnnăng dũng lựcvà uylinh. Ngợi khenĐấngthànhtín vôbiên,nhân

B. 

ChíThánh, chínhtrựcvà côngminh. Đấngquyềnnăng, dũng lựcvà uylinh.

56

S. 

Chúc tụng,ngợikhentônvinh! Đấng ChíThánh, ngàntrùng Chí Thánh. Ngợi

A. 

Chúc tụng,ngợikhentônvinh. Đấng ChíThánh, ngàntrùng Chí Thánh

T. 

hậu,chậmbắt bình. Chúc tụng,ngợikhentônvinh. Đấng ChíThánh, ngàntrùng Chí Thánh. Ngợi

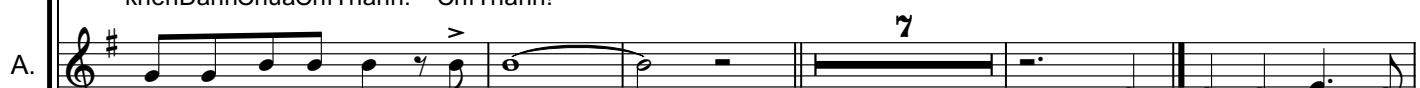
B. 

Chúc tụng,ngợikhentônvinh. Đấng ChíThánh, ngàntrùng Chí Thánh.

60

S. 

khenDanhChúaChíThánh. ChíThánh!

A. 

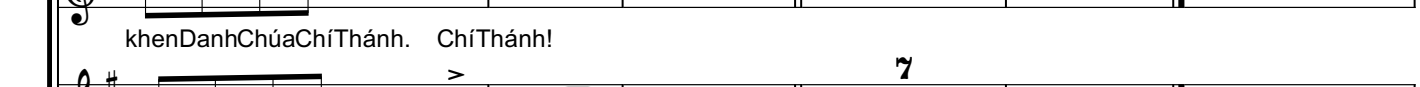
KhenDanhChúaChíThánh. ChíThánh!

T. 

khenDanhChúaChíThánh. ChíThánh!

B. 

KhenDanhChúaChíThánh. ChíThánh!



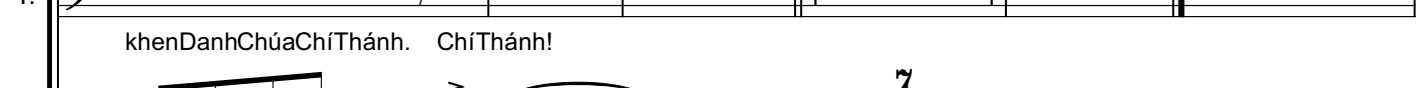
Tôn vinhThiênChúa Ngôi



Tôn vinhThiênChúa Ngôi

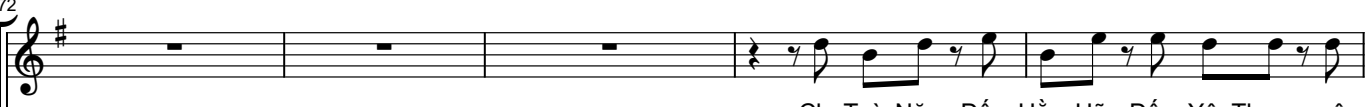


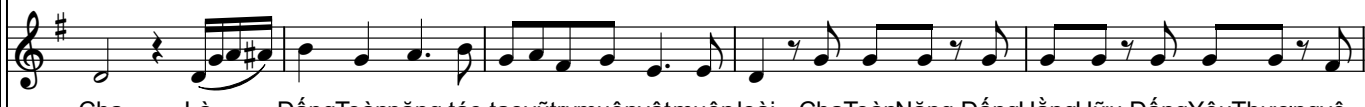
Tôn vinhThiênChúa Ngôi

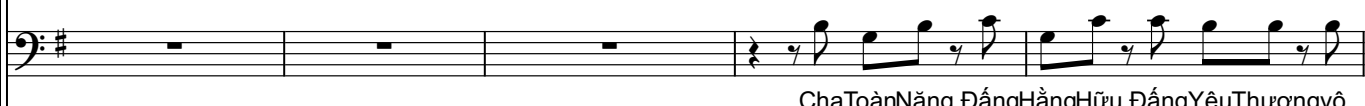


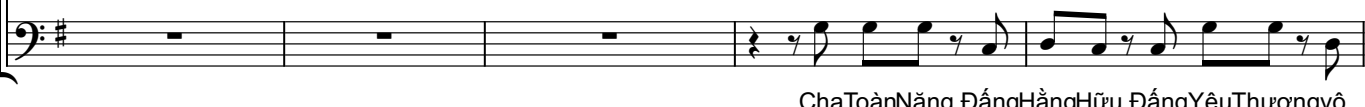
Tôn vinhThiênChúa Ngôi

72

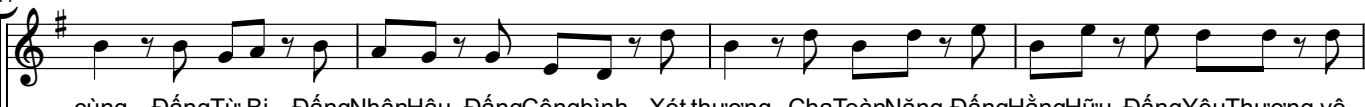
S.  ChaToànNăng,ĐấngHằngHữu,ĐấngYêuThươngvô

A.  Cha. Là ĐấngToàn năng,tác tạovũtrụmuônvậtmuônloài. ChaToànNăng,ĐấngHằngHữu,ĐấngYêuThươngvô

T.  ChaToànNăng,ĐấngHằngHữu,ĐấngYêuThươngvô

B.  ChaToànNăng,ĐấngHằngHữu,ĐấngYêuThươngvô

77

S.  cùng. ĐấngTứBi, ĐấngNhânHậu, ĐấngCôngbình, Xótthương. ChaToànNăng,ĐấngHằngHữu,ĐấngYêuThươngvô

A.  cùng. ĐấngTứBi ĐấngNhânHậu ĐấngCôngBình, XótThương. ChaToànNăng,ĐấngHằngHữu,ĐấngYêuThươngvô

T.  cùng. ĐấngTứBi ĐấngNhânHậu ĐấngCôngBình XótThương. ChaToànNăng,ĐấngHằngHữu,ĐấngYêuThươngvô

B.  cùng. ĐấngTứBi, ĐấngNhânHậu ĐấngCôngBình, XótThương. ChaToànNăng,ĐấngHằngHữu,ĐấngYêuThươngvô

81

S.  cùng. ĐấngTạoTác ĐấngYêuthương táctạovìNgườiiềuthương. Yêuthương.

A.  cùng. ĐấngTạoTác ĐấngYêuThương, táctạovìNgườiiềuthương. Yêuthương.

T.  cùng. ĐấngTạoTác, ĐấngYêuThương, táctạovìNgườiiềuthương. Yêuthương. Là

B.  cùng. ĐấngTạoTác, ĐấngYêuThương, táctạovìNgườiiềuthương. Yêuthương.

86

S.

A.

T.

B.

91

S.

A.

T.

B.

Một. BanchínhConMột, CứuChuộcctộinhầncúngcon.

96

S.

A.

T.

B.

100

S.
 Một, Cứu Chuộc tội nhân chúng con. Tôn vinh Thiên Chúa Ngôi Con. Là

A.
 Hm chúng con.

T.
 Hm chúng con.

B.
 Hm hm.

108

S.
 Chúa Ngôi Lời đã đến thế gian (ư) này, sinh làm người, Cứu chuộc tội nhân chúng ta. Chính Người là Đức Ki-tô.

A.
 Chính Người là Đức Ki-tô.

T.
 Chính Người là Đức Ki-tô.

B.
 Chính Người là Đức Ki-tô.

112

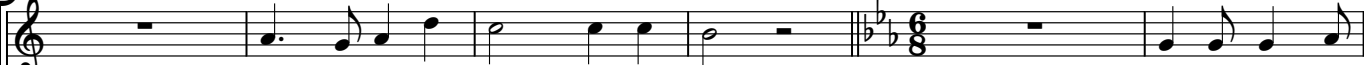
S.
 Là Con Một Đức Chúa Cha. Cùng là Chúa chúng tôi.

A.
 Là Con Một Đức Chúa Cha. Cùng là Chúa chúng tôi. Bởi phép Chúa Thánh Thần mà Người xuống thai.

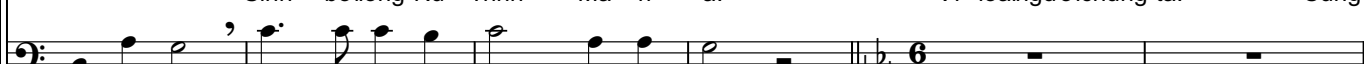
T.
 Là Con Một Đức Chúa Cha. Cùng là Chúa chúng tôi. Sinh bởi

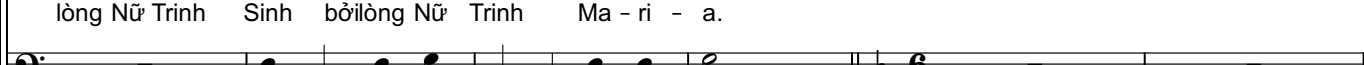
B.
 Là Con Một Đức Chúa Cha. Cùng là Chúa chúng tôi.

117

S.  Sinh bởi lòng Nữ Trinh Ma - ri - a. Vì loài người chúng ta.

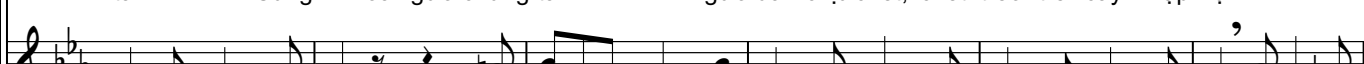
A.  Sinh bởi lòng Nữ Trinh Ma - ri - a. Vì loài người chúng ta. Cũng

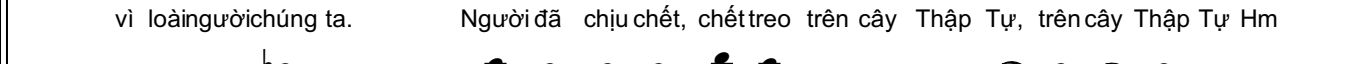
T.  lòng Nữ Trinh Sinh bởi lòng Nữ Trinh Ma - ri - a.

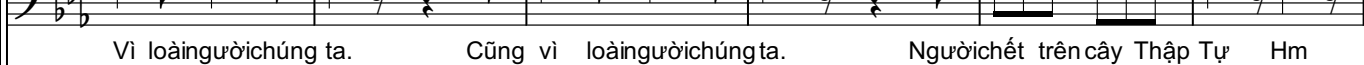
B.  Sinh bởi lòng Nữ Trinh Ma - ri - a.

123

S.  ta. Cũng vì loài người chúng ta. Người đã chịu chết, chết treo trên cây Thập Tự.

A.  vì loài người chúng ta. Người đã chịu chết, chết treo trên cây Thập Tự, trên cây Thập Tự Hm

T.  Vì loài người chúng ta. Cũng vì loài người chúng ta. Người chết trên cây Thập Tự Hm

B.  Vì loài người chúng ta, Cũng vì loài người chúng ta, chết trên Thập Tự Hm

129

S.  Hm Hm Hm Vì loài người chúng ta. Cũng

A.  Hm Vì loài người chúng ta. Cũng vì loài người chúng ta.

T.  hm hm hm. Hm hm hm Vì loài người chúng ta.

B.  hm hm hm. Hm hm hm

135

S. vì loàingườichúng ta. Ngườiđã chịu chết, chết treo trên cây Thập Tự. Vânglời chịu chết,chếttrên Thập

A. ta. Người đã chịu chết, chếttreo trên cây Thập Tự, trên cây Thập Tự. Vânglời chịu chết,chếttrên Thập

T. ta. Cũng vì loàingườichúngta. Người chết trên cây Thập Tự. Vânglời chịu chết chếttrên Thập

B. Vì loàingườichúng ta, Cũng vì loàingườichúng ta, chếttrên Thập Tự. Vânglời chịu chết chếttrên Thập

141

S. Tự, vâng lời chịu chết chếttrên ThậpTự, đểCứuchuộcchúngta.

A. Tự, vâng lời chịu chết,chếttrên ThậpTự, đểCứuchuộcchúngta.

T. Tự, vâng lời chịu chết,chếttrên ThậpTự, đểCứuchuộcchúngta.

B. Tự,Ngườiđã chịu chết,chịuchếttrênThậpTự, đểCứuchuộcchúngta. Ngàythứ

151

S. Kiangôimộ trống.

A. Ngôimộ trống. Kiangôimộ trống. Người

T. Vângàythứ ba, kiangôimộ trống. Ngườiđã Phứcsinh,sốnglại khái

B. ba. Vângàythứ ba, kiangôimộ trống.

159

S. Người đã Phục sinh, sống lại khải hoàn. Phục sinh sống lại khải hoàn. Người đã Phục

A. đã Phục sinh, sống lại khải hoàn. Phục sinh. Người đã Phục sinh sống lại khải hoàn.

T. hoàn. Phục Sinh sống lại hiển vinh. Người đã Phục sinh. Đã Phục sinh khải hoàn.

B. Người đã Phục sinh. Phục sinh sống lại khải hoàn. Đã phục sinh khải hoàn

165

S. sinh, sống lại khải hoàn. Phục sinh, sống lại hiển vinh. Hiển vinh. Người đã Phục sinh sống lại khải hoàn.

A. Người đã Phục sinh, sống lại khải hoàn. Hiển vinh, Phục sinh. Đã Phục sinh khải hoàn.

T. Người đã Phục sinh, sống lại khải hoàn. Phục sinh, sống lại khải hoàn.

B. Người đã Phục sinh. Phục sinh, sống lại khải hoàn. Đã phục sinh khải hoàn

171

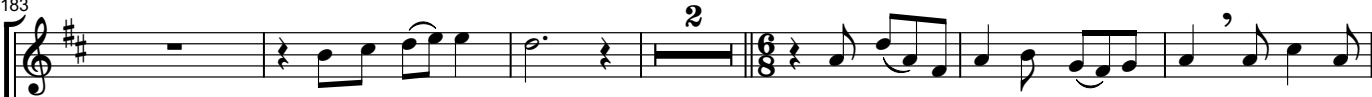
S. Phục sinh sống lại hiển vinh.

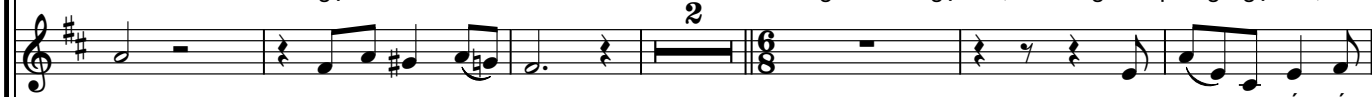
A. Phục sinh, sống lại hiển vinh. Ngự bên hữu Chúa

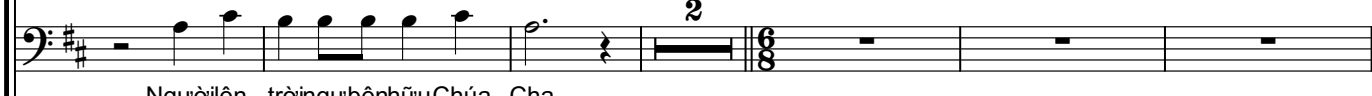
T. Sống lại, Phục sinh hiển vinh.

B. Phục sinh, Phục sinh hiển vinh. Người lên trời

183

S.  Ngự bênh hữu Chúa Cha. Người sẽ ngự đến, đến trong vinh quang. Ngự đến, đến

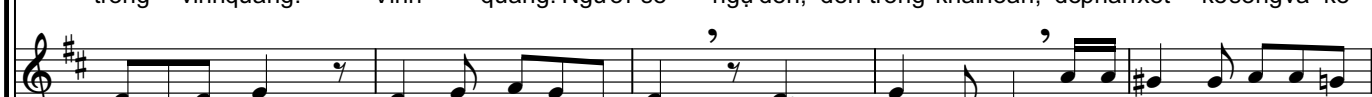
A.  Cha Ngự bênh hữu Chúa Cha. Người sẽ ngự đến, đến

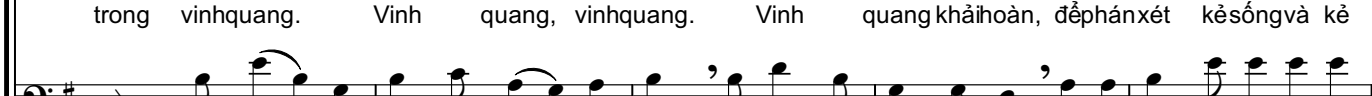
T.  Người lên trời ngự bênh hữu Chúa Cha.

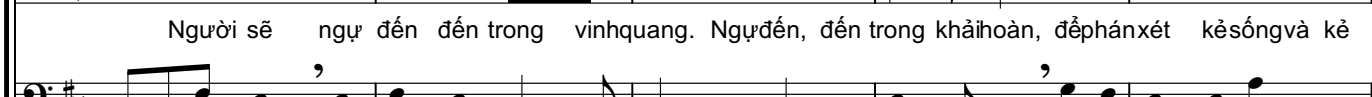
B.  Người lên trời ngự bênh hữu Chúa Cha. Người

191

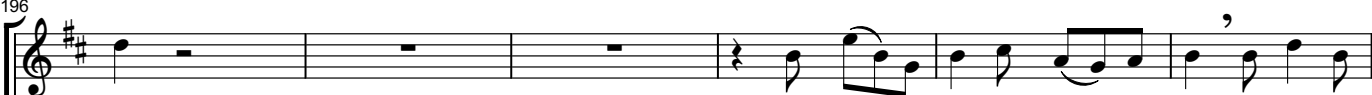
S.  trong vinh quang. Vinh quang. Người sẽ ngự đến, đến trong khải hoàn, để phán xét kẻ sống và kẻ

A.  trong vinh quang. Vinh quang, vinh quang. Vinh quang khải hoàn, để phán xét kẻ sống và kẻ

T.  Người sẽ ngự đến đến trong vinh quang. Ngự đến, đến trong khải hoàn, để phán xét kẻ sống và kẻ

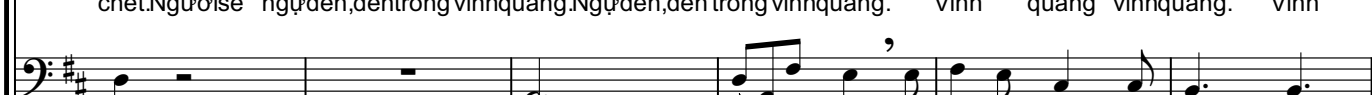
B.  đến vinh quang, ngự đến vinh quang, khải hoàn. Vinh quang, khải hoàn, để phán xét kẻ sống và kẻ

196

S.  chết. Người sẽ ngự đến, đến trong vinh quang. Ngự đến, đến

A.  chết. Người sẽ ngự đến, đến trong vinh quang. Vinh quang. Người sẽ ngự đến đến

T.  chết. Người sẽ ngự đến, đến trong vinh quang. Ngự đến, đến trong vinh quang. Vinh quang vinh quang. Vinh

B.  chết. Người đến vinh quang, ngự đến vinh quang, khải hoàn. Vinh

202

S. trong. khảihoàn.đểphánxét kêsốngvàkẻ chết. NướcNgười sẽ khôngbao giờ cùng.

A. trong khảihoàn.đểphánxét kêsốngvàkẻ chết. NướcNgười sẽ khôngbao giờ cùng.

T. quang khảihoàn.đểphánxét kêsốngvàkẻ chết. NướcNgười sẽ khôngbao giờ cùng.

B. quang,khảihoàn.đểphánxét kêsốngvàkẻ chết. NướcNgười sẽ khôngbao giờ cùng.

212

S. 7

A. 7 Tôn vinh Thiên Chúa Ngôi Ba. Là

T. 7

B. 7

222

S. Chúc

A. Chúa ThánhThần,Đấng bansự sống cho muônloài. Chútụng. Chútụng. Chútụng. Ngợi

T. Chútụng, Chútụng. Chútụng. Chútụng. Ngợi

B. Tôn vinh. Tôn vinh. Khen

227

S. tụng,ngợi khen,tôn vinh. Chúc tụng,ngợi khen,tôn vinh. Tôn vinh.

A. khen,ngợi khen,tôn vinh. Chúc tụng,ngợi khen,tôn vinh. Tôn vinh. Chúc tụng, Chúc

T. khen,ngợi khen,tôn vinh. Ngợi khen. Chúc tụng Tôn vinh. Chúc tụng, Chúc tụng. Chúc

B. ngợi,ngợi khen,tôn vinh. Chúc tụng ngợi khen,tôn vinh. Tôn vinh. Tôn

231

S. Chúc tụng,ngợi khen,tôn vinh. Chúc tụng,ngợi khen,tôn vinh. Tôn vinh.

A. tụng. Chúc tụng. Ngợi khen,ngợi khen,tôn vinh. Chúc tụng,ngợi khen tôn vinh. Tôn vinh.

T. tụng. Chúc tụng. Ngợi khen,ngợi khen,tôn vinh. Ngợi khen. Chúc tụng. Tôn vinh. Ngợi

B. vinh, Tôn vinh. Khen ngợi,ngợi khen,tôn vinh. Chúc tụng,ngợi khen,tôn vinh. Tôn vinh.

235

S. Ngợi khen (là) Thần Khí Vinh

A. Ngợi khen (là) Thần Khí Quyền Năng. Chúc khen Thần Khí Vinh

T. khen Thần Khí Đức Ky Tô Ngợi khen Thần Khí Quyền Năng. Ngợi khen Thần Khí Vinh

B.

239

S. Quang. Ngợi

A. Quang. Ngợi khen(là)Thần Khí ThánhThiện. Ngợi

T. Quang. Ngợi khen(là)ThầnKhí TìnhYêu Chúckhen ThầnKhíThánh Thiện Chúc

B. Ngợi khenThầnKhíĐức KyTô Ngợi khen. ThầnKhíTinh Yêu. Chúckhen ThầnKhíThánh Thiện, Ngợi

244 $\text{♩} = 70$

S. khen (là) Thần Khí Sự Sống.

A. khen Thần Khí Sự Sống.

T. khen Thần Khí Sự Sống.

B. khen Thần Khí Sự Sống. Là Nguồn Bầy

247

S.

A.

T. Hm Hm 3 ÔnBiếtLo

B. Ôn Người ban xuống cho đoàn con. Ôn Khôn Ngoan, Hiểu Biết, Ôn Sức Mạnh.

251

S.

A.

T.

B.

Là Nguồn Bấy

Liệu, Ơn Thông Minh, Ơn Đạo Đức. Ơn Kính Sợ Thiên Chúa, trong yêu thương, đầy bình an. Hm

Hm Hm Hm

255

S.

A.

T.

B.

Ơn, Người ban xuống cho đoàn con. Ơn Khôn Ngoan, Hiểu Biết, Ơn Sức

Hm Hm

258

S.

A.

T.

B.

Ơn Biết Lo Liệu, Ơn Thông Minh, Ơn Đạo Đức. Ơn Kính Sợ Thiên Chúa, trong yêu thương, trong an bình.

Mạnh. Hm Hm Hm

Hm Hm Hm

263 $\text{♩} = 80$
6

S. Bình an. Tôn vinh Thiên Chúa Ba Ngôi: Ngôi Cha Ngôi Con và

A. Bình an Tôn vinh Thiên Chúa Ba Ngôi. Ngôi Cha, Ngôi Con và

T. Bình an Tôn vinh Thiên Chúa Ba Ngôi. Ngôi Cha, Ngôi Con và

B. Bình an Tôn vinh Thiên Chúa Ba Ngôi. Ngôi Cha, Ngôi Con và

276

S. Ngôi Ba. Tôn vinh Thiên Chúa Ba Ngôi: Chúc tụng và tôn vinh từ bây giờ, cho

A. Ngôi Ba. Tôn vinh Thiên Chúa Ba Ngôi. Chúc tụng và tôn vinh từ bây giờ, cho

T. Ngôi Ba. Tôn vinh Thiên Chúa Ba Ngôi. Chúc tụng và tôn vinh, tôn vinh,

B. Ngôi Ba. Tôn vinh Thiên Chúa Ba Ngôi. Chúc tụng và tôn vinh tôn vinh, tới

284 FINE

S. tới muôn muôn đời. muôn đời.

A. tới muônmuôn đời, muônmuôn đời. muôn đời

T. cho tới muônmuôn đời, tới muôn đời. muôn đời

B. muôn muôn đời. muôn đời